TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24/11/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Bà Nguyễn Thị Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 53/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Lệ Q**, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Hồ Minh P**, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1954 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thị Lệ Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q trình bày:
Về hôn nhân: Năm 2007, chị Võ Thị Lệ Q và bị đơn anh Hồ Minh P kết hôn theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 19/11/2007 chị Q và anh P được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số

01/07. Sau khi kết hôn, chị Q chuyển hộ khẩu về sinh sống chung với anh P tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh phúc cho đến tháng 6/2018 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng gay gắt và đã ly thân nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên chị Q khởi kiện xin ly hôn anh P.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Phương T, sinh ngày 28/01/2008 và Hồ Khánh B, sinh ngày 27/3/2010. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồ Khánh B, giao anh P nuôi dưỡng cháu Hồ Phương T. Chị Q và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vào năm 2015, vợ chồng có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D thửa đất 257, tờ bản đồ số 8, diện tích 77,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Giá chuyển nhượng 70.000.000 đồng, khi chuyển nhượng vợ chồng thống nhất để anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017, vợ chồng xây dựng một căn nhà cấp 4 trên đất trị giá 200.000.000 đồng. Chị Q yêu cầu chia đôi được nhận bằng hiện vật và hoàn lại cho anh P ½ giá trị nhà đất bằng số tiền 135.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có mượn của mẹ ruột anh P là bà Nguyễn Thị V số tiền 10.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất 257 cho đến nay chưa trả. Khi ly hôn, yêu cầu mỗi người trả cho bà V 5.000.000 đồng.

- *Theo bị đơn anh Hồ Minh P trình bày*:

Về hôn nhân và con chung: Anh P thống nhất theo trình bày của chị Q về quan hệ hôn nhân, con chung và anh đồng ý ly hôn với chị Q. Khi ly hôn, về con chung anh thống nhất với yêu cầu chị Q là anh tiếp tục nuôi dưỡng Hồ Phương T và giao chị Q nuôi dưỡng Hồ Khánh B. Anh và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Thửa đất 257 là tài sản của bà Nguyễn Thị V (mẹ ruột anh P). Thửa đất 257 có nguồn gốc là của cụ bà Nguyễn Thị P1 (mẹ ruột bà V) tặng cho bà V vào năm 1996 nhưng không lập thủ tục sang tên. Sau khi được tặng cho, bà V xây dựng nhà tạm trên đất để sinh sống và bán quán giải khát. Khi đó, cụ P1 đã lớn tuổi nên để con ruột là ông Nguyễn Văn D (em ruột bà V) đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất. Hiện nay, cụ bà Nguyễn Thị P1 đã lớn tuổi đang sống chung gia đình ông Nguyễn Văn D liền kề thửa đất 257. Đến tháng 01/2017, anh P, chị Q và bà V cùng góp tiền để sửa chữa lại căn nhà tạm của bà V với tổng chi phí là 200.000.000 đồng. Xây dựng nhà xong, nhưng chưa lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Trong thời gian này, vợ chồng anh P cần vốn để chăn nuôi và kinh doanh thuốc tây, bà V thì đi phụ giúp việc nhà ở xa và thường xuyên vắng nhà. Nên bà V thống nhất để anh P đứng tên quyền sử dụng thửa đất 257. Từ đó, lập thủ tục chuyển nhượng thửa đất 257 từ ông D sang anh P. Nhưng trên thực tế anh P và chị Q không trả ông D khoản tiền nào. Bà V đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại căn nhà trên thửa đất 257 chỉ có cá nhân bà. Hiện thửa đất 257, diện tích 77,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, do anh P đứng tên giấy chứng nhận mang số phát hành CI 011577, số vào sổ CS07785, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/3/2017.

Anh P xác định căn nhà là tài sản chung của anh P, chị Q và bà V, còn đất là tài sản riêng của bà V. Anh P đồng ý chia giá trị căn nhà thành 03 phần gồm bà V, anh P và chị Q.

Phần của anh P thì anh tự nguyện tặng cho chị Q, phần của bà V là bà V nhận nhà, vì đây là nơi ở duy nhất của bà V. Cụ thể, anh P và bà V nhận nhà và hoàn lại cho chị P 2/3 giá trị căn nhà bằng số tiền 135.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Q khai còn nợ bà V 10.000.000 đồng nhưng anh P không biết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án trình bày:

Năm 1996, bà V ly hôn với chồng và không còn sống bên chồng, nên mẹ ruột bà là cụ Nguyễn Thị P1 cho 01 thửa đất tại ấp T (nay là Định Thới A), xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để xây dựng nhà ở và mua bán nước giải khát để sinh sống. Bà thấy vợ chồng anh P, chị Q không có chỗ ở và để mua bán thuốc tây, nên bà cho vợ chồng về ở chung. Trong thời gian này, bà thường đi giúp việc nhà ở xa, ít về và lớn tuổi đi lại khó khăn, còn anh P thì cần vay vốn để chăn nuôi và mua bán nên bà để anh P đứng tên quyền sử dụng thửa đất 257 mà cụ P1 đã cho bà từ năm 1996. Bà V đã sinh sống tại thửa đất 257 từ năm 1996 đến nay và thửa đất 257 là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị Q, đồng thời yêu cầu anh P và chị Q trả lại cho bà thửa đất 257.

Đối với căn nhà hiện tồn tại trên thửa đất 257 là tài sản chung của anh P, chị Q và bà. Căn nhà này được xây dựng bởi công sức, tiền bạc của anh P, chị Q và của bà. Nay bà yêu cầu được nhận nhà để tiếp tục sinh sống và hoàn trả giá trị căn nhà cho chị Q và anh P bằng số tiền 135.000.000 đồng.

Hiện trạng thửa đất 257 có diện tích thực tế là 62,9m^2, loại trồng cây lâu năm, diện tích giảm là do thu hồi 14,9m^2 làm lộ 902. Giá trị đất do Hội đồng định giá xác định có đơn giá là 216.000 đồng/m^2. Giá trị căn nhà do các đương sự tự thỏa thuận thống nhất là 200.000.000 đồng.

- Tại bản án sơ thẩm số 53/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Lệ Q.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Lệ Q được ly hôn với anh Hồ Minh P.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Hồ Phương T, sinh ngày 28/01/2008 và Hồ Khánh B, sinh ngày 27/3/2010.

Giao chị Võ Thị Lệ Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Khánh B.

Giao anh Hồ Minh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Phương T.

Chị Võ Thị Lệ Q và anh Hồ Minh P có quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không xét.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Lệ Q về việc xác định thửa đất 257 và căn nhà gắn liền là tài sản chung của chị Võ Thị Lệ Q và anh Hồ Minh P để yêu cầu chia đôi.

3.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị V:

Buộc chị Võ Thị Lệ Q và anh Hồ Minh P trả bà Nguyễn Thị V quyền sử dụng thửa đất 257, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Hiện thửa đất 257 do Hồ Minh P

đứng tên giấy chứng nhận mang số phát hành CI 011577, số vào sổ CS07785, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/3/2017.
Diện tích, hình thể thửa đất 257 là 62,9m^2, loại trồng cây lâu năm, được thể hiện qua Trích đo bản đồ khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M lập ngày 16/9/2022.
3.3. Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Hồ Minh P chia và trả cho chị Võ Thị Lệ Q giá trị tài sản chung là căn nhà trên thửa đất 257 bằng số tiền là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).
Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Võ Thị Lệ Q, hàng tháng bà Nguyễn Thị V và anh Hồ Minh P còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.
3.4. Giao cho bà Nguyễn Thị V trọn quyền sở hữu căn nhà hiện có trên thửa đất 257. Bà Nguyễn Thị V có quyền đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 257 theo khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai, khi án có hiệu lực pháp luật.
Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/8/2023, nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V và xác định tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị Võ Thị Lệ Q, anh Hồ Minh P là thửa đất số 257, diện tích 77,8m^2, tờ bản đồ số 8, tại ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có căn nhà gắn liền trên đất, đồng thời chia cho chị Q nhận nhà, đất và chị sẽ hoàn lại cho anh P ½ giá trị nhà đất.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Chị Võ Thị Lệ Q không có bổ sung tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Hồ Minh P và bà Nguyễn Thị V không có bổ sung tài liệu, chứng cứ. Bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập trong vụ án, anh P và bà V không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Q và thống nhất theo như án sơ thẩm đã tuyên về chia tài sản.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Vĩnh Long*:

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 53/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long về chia tài sản chung.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V.

Áp dụng các Điều 59, 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 166, 210, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc chị Q và anh P trả bà V quyền sử dụng thửa đất 257, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Hiện thửa đất 257 do Hồ Minh P đứng tên giấy chứng nhận mang số phát hành CI 011577, số vào sổ CS07785, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/3/2017.

Diện tích, hình thể thửa đất 257 là 62,9m^2, loại trồng cây lâu năm, được thể hiện qua Trích đo bản đồ khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M lập ngày 16/9/2022. Bà V có quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 257 theo luật định.

Giao cho bà V trọn quyền sở hữu căn nhà hiện có trên thửa đất 257.

Buộc bà V, anh P chia và trả cho chị Q giá trị tài sản chung là căn nhà trên thửa đất 257 bằng số tiền là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Do giữ nguyên án sơ thẩm nên nguyên đơn kháng cáo phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- *Phần tranh luận*: Các đương sự không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V và xác định tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị Võ Thị Lệ Q, anh Hồ Minh P là thửa đất số 257, diện tích 77,8m^2, tờ bản đồ số 8, tại ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có căn nhà gắn liền trên đất, đồng thời yêu cầu được nhận toàn bộ nhà, đất và hoàn lại cho anh P ½ giá trị nhà đất.

2.1. Về thửa đất 257:

Căn cứ lời khai của ông Nguyễn Văn D và các anh, chị, em ruột của ông D thể hiện thửa đất 257 có nguồn gốc là của cụ bà Nguyễn Thị P1 là mẹ ruột của ông D và bà Nguyễn Thị V (chị ruột ông D). Năm 1996, bà V và chồng ly hôn nên bà V trở về gia đình cha, mẹ ruột được cụ P1 cho cất nhà tạm ở trên đất của cụ P1 để sinh sống và bán quán giải khát. Sau đó, cụ P1 giao toàn bộ phần đất của cụ P1 cho ông D đại diện đứng tên trong đó có phần đất của bà V được cụ P1 tặng cho. Tuy ông D đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng quyết định về đất đai vẫn thuộc quyền của cụ P1. Sau này, anh Hồ Minh

P (con ruột bà V) cùng với vợ là chị Võ Thị Lệ Q có nhu cầu về xây dựng lại nhà trên đất để mở tiệm thuốc tây, khi đó cụ P1 có yêu cầu ông D sang tên lại cho anh P phần đất ngay nền nhà cũ của bà V đang ở để đủ điều kiện cho P xây dựng nhà ở kiên cố. Thực tế, ông D có ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho anh P, nhưng ông D hoàn toàn không có nhận bất cứ khoản tiền chuyển nhượng nào của vợ chồng anh P, chị Q. Sau khi xây dựng nhà xong, bà V đi làm ăn xa một thời gian cho đến khi dịch Covid-19 xảy ra, bà V trở về nhà sinh sống cho đến nay.

Phía chị Q cho rằng vào năm 2015, vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng thửa đất 257 từ ông Nguyễn Văn D với giá 70.000.000 đồng và thống nhất để anh P đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên, phía chị Q chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có trả tiền sang nhượng đất cho ông D nên chưa đủ cơ sở để xác định thửa đất 257 là tài sản chung của vợ chồng Q, P có trong thời kỳ hôn nhân và cũng không phải do vợ chồng tạo lập ra.

2.2. Đối với căn nhà gắn liền với thửa đất 257:

Chị Q, anh P và bà V thừa nhận vợ chồng chị Q, anh P có xây dựng nhà kiên cố trên đất để kinh doanh tiệm thuốc tây. Chị Q thừa nhận có mượn bà V số tiền 10.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất 257, nhưng việc nhận chuyển nhượng đất và trả tiền chuyển nhượng đất không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định trên. Tuy nhiên, số tiền này theo bà bà V xác định chỉ cho vợ chồng chị Q, anh P mượn để kinh doanh bán thuốc tây và bà không đặt ra yêu cầu giải quyết. Chị Q, anh P và bà V thống nhất giá trí trị căn nhà là 200.000.000 đồng và án sơ thẩm chia giá trị nhà thành 03 phần bằng nhau cho chị Q, anh P và bà V. Tuy nhiên, anh P tự nguyện giao phần giá trị nhà được chia của anh cho chị Q là có lợi cho chị Q, nên Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên theo như án sơ thẩm đã tuyên.

2.3. Xét nhu cầu về chỗ ở:

Hiện nay chị Q và anh P đều có chỗ ở khác, bà V hiện đang quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa 257 và là người cao tuổi, không có chỗ ở nào khác nên tiếp tục giao nhà và đất cho bà V sử dụng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của chị Q không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm về chia tài sản theo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên án sơ thẩm nên nguyên đơn kháng cáo phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về án phí sơ thẩm vẫn giữ nguyên.

[5] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hôn nhân, con chung, chi phí tố tụng không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Võ Thị Lệ Q.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 53/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 59, 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 166, 210, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Lệ Q và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V.

1. Buộc chị Võ Thị Lệ Q và anh Hồ Minh P trả bà Nguyễn Thị V quyền sử dụng thửa đất 257, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Hiện thửa đất 257 do Hồ Minh P đứng tên giấy chứng nhận mang số phát hành CI 011577, số vào sổ CS07785, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/3/2017.

Diện tích, hình thể thửa đất 257 là 62,9m^2, loại trồng cây lâu năm, được thể hiện qua Trích đo bản đồ khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M lập ngày 16/9/2022.

Bà Nguyễn Thị V có quyền đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 257 theo khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai, khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Hồ Minh P chia và trả cho chị Võ Thị Lệ Q giá trị căn nhà có trên thửa đất 257 bằng số tiền là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Giao cho bà Nguyễn Thị V trọn quyền sở hữu căn nhà hiện có trên thửa đất 257.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Vẫn giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Buộc chị Võ Thị Lệ Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001139 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, nên chị Q không phải nộp thêm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hôn nhân, con chung, chi phí tố tụng không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;
- CC THADS huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa